



Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển
Trường Đại học Nam Cần Thơ

Website: jsde.nctu.edu.vn



Quan điểm của sinh viên Ngôn ngữ Anh về vai trò của chú thích đa phương tiện đối với kỹ năng Nghe hiểu

Lê Trung Kiên^{1*}, Đào Thị Thái², Trần Thị Trúc Hiền³

^{1, 2, 3}Trường Đại học Nam Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm bài viết: ltkien@nctu.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/4/2023

Ngày phản biện: 20/7/2023

Ngày duyệt đăng: 28/7/2023

Title: *The point of views of English students on the role of multi-media annotation for listening comprehensive skill*

Keywords: *english student, listening comprehension, multi-media annotation, point of view*

Từ khóa: *chú thích đa phương tiện, kỹ năng nghe hiểu, sinh viên tiếng Anh*

ABSTRACT

Derived from the practice related to listening skills, a skill that requires the initiative of learners and plays an essential role in supporting the development of other skills, and the challenges that English-Majored students face in reality, current research has been conducted to find a method to make listening comprehension easier. This paper is a combination of quantitative and qualitative methods and focuses on understanding the importance of four types of multimedia annotations in independent listening practice: (1) lexical captions, (2) image captions, (3) audio captions, and (4) video captions. The results showed that all four types of annotation had a positive impact on promoting students' listening comprehension skills but at different levels for each type. In addition, the reasons behind the students' preference for these annotation types over others were also clarified. The present study concluded with a discussion based on the findings as well as the pedagogical implications, and other directions for future research.

TÓM TẮT

Xuất phát từ thực tiễn liên quan đến kỹ năng Nghe hiểu, một kỹ năng đòi hỏi sự chủ động từ người học và đóng vai trò thiết yếu trong hỗ trợ phát triển các kỹ năng khác, và thực tế khó khăn của sinh viên chuyên Anh trong vấn đề luyện tập kỹ năng này, nghiên cứu hiện tại đã được tiến hành nhằm tìm ra phương pháp để giúp việc Nghe hiểu được thực hiện dễ dàng hơn. Nói một cách chi tiết, sử dụng phương pháp kết hợp định lượng và định tính, nghiên cứu tập trung vào tìm hiểu tầm quan trọng của 4 kiểu chú thích đa phương tiện trong thực hành kỹ năng nghe một cách độc lập: (1) chú thích từ vựng, (2) chú thích hình ảnh, (3) chú thích âm thanh, (4) chú thích video. Kết quả cho thấy cả 4 loại hình chú thích đều có tác động tích cực đến việc đẩy mạnh kỹ năng Nghe hiểu của sinh viên, nhưng ở mức độ khác nhau mỗi loại. Ngoài ra các lý do

đăng sau sự ưa thích hơn của sinh viên đối với các kiểu chú thích này so với các kiểu chú thích khác cũng được làm rõ. Bài nghiên cứu hiện tại được kết thúc thông qua phần thảo luận dựa trên các kết quả tìm được cũng như đưa ra các ngụ ý sự phạm và các hướng nghiên cứu khác trong tương lai.

1. GIỚI THIỆU

Việc học tiếng Anh nói chung và kỹ năng Nghe hiểu tiếng Anh nói riêng được cho là hết sức cần thiết trong thời đại hội nhập toàn cầu. Khi các quốc gia muốn liên kết, hợp tác với nhau về bất kỳ lĩnh vực gì, một trong những ngôn ngữ giao tiếp ưu tiên mà họ chọn là tiếng Anh. Việc học tiếng Anh, vì thế đang ngày một trở thành xu thế đối với rất nhiều tầng lớp ở đa phần các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là trong giới học sinh, sinh viên và những người cần xin việc với một mức lương khởi điểm thỏa đáng. Việt Nam chúng ta cũng nằm trong số đó. Tuy nhiên, một thực tế không mấy khả quan cho thấy rằng có vẻ như có một số lượng người học phải rất chật vật khi kinh qua các kỹ năng tiếng Anh, đặc biệt là kỹ năng Nghe, nhất là với giới học sinh, sinh viên bất kể việc họ có chuyên học về ngôn ngữ này hay không. Để giúp người học vượt qua khó khăn này, các bài nghiên cứu của nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới đã tìm ra vai trò vượt trội của Chú thích đa phương tiện đối với việc phát triển kỹ năng Nghe của người học.

Cụ thể, một nghiên cứu được thực hiện bởi Alabsi (2020) [2] đã nhấn mạnh rằng việc xem video có phụ đề giúp làm tăng khả năng nghe hiểu của sinh viên một cách đáng kể. Ngoài ra, Dizon and Thanyawatpokin (2021) [8] đã nghiên cứu về mảng này và cho ra kết quả cho thấy nhóm sinh viên xem qua các đoạn phim trên Netflix với phụ đề kép có khả năng nghe tốt hơn rất nhiều so với nhóm chỉ có phụ đề tiếng bản ngữ và nhóm có dùng đề tựa bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, vẫn có các bài nghiên cứu cho rằng Chú thích đa phương tiện không có cải thiện kỹ năng nghe của người học (Hsieh, 2020) [10].

Mặc dù vậy, hầu hết các kết quả nghiên cứu trước đây cho thấy kết quả tích cực của Chú thích đa phương tiện lên kỹ năng nghe của người học. Xuất phát từ điều này, nghiên cứu được tiến hành hiện tại nhằm để làm phong phú hơn về mảng này và đặc biệt, tìm ra quan điểm của các bạn sinh viên chuyên Anh tại một cơ sở giáo dục ở Đồng bằng sông Cửu Long về vai trò của chú thích đa phương tiện trong việc phát triển kỹ năng Nghe hiểu. Kỹ năng Nghe hiểu (được hỗ trợ bằng các kiểu chú thích khác nhau) sở dĩ được chọn trong nghiên cứu này là do không có nhiều các nghiên cứu trước đây tập trung vào mảng này, ít nhất là ở Việt Nam nói chung và vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng. Các nghiên cứu viên hy vọng kết quả nghiên cứu tìm được sẽ chứng minh được tính hiệu quả của phương pháp đa chú thích trong việc hỗ trợ các bạn sinh viên trong quá trình luyện tập, rèn giũa kỹ năng Nghe hiểu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Tổng quan

2.1.1 Kỹ năng Nghe hiểu

“Kỹ năng Nghe” được nhiều tác giả định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Rivers (1966) [15] tuyên bố rằng, việc nghe ngoại ngữ liên quan đến hai mức độ hoạt động, trong đó mức độ đầu tiên (1) liên quan đến việc xác định các từ và cụm từ trong các mối quan hệ liên cấu trúc của chúng; xác định trình tự thời gian; xác định các thuật ngữ logic và bổ trợ (modifying); và cuối cùng là nhận dạng các cụm từ là những phép nội suy mang tính dư thừa (không có tác dụng gì cho sự phát triển của dòng suy nghĩ). Thứ hai là mức độ lựa chọn (2) mà trong đó hoạt động nghe cho phép người thực hiện rút ra những yếu tố dường như chứa đựng ý chính của thông điệp từ hoạt động giao tiếp.

2.1.2 Chiến lược Nghe hiểu

Các chiến lược nghe khi học ngôn ngữ thứ hai có thể được định nghĩa là những cách mà người nghe quản lý các tương tác khi giao tiếp trong thực tế với một văn bản nói để đạt được khả năng hiểu. Theo White (1993) [17], chiến lược học tập có tầm quan trọng hàng đầu trong nhiều khía cạnh khác nhau. Theo quan điểm tâm lý, việc xác định các chiến lược học được coi là rất quan trọng trong việc hiểu các quá trình tư duy xảy ra trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ.

Đối với người học, trong quá trình nghe, việc áp dụng các chiến lược học tập một cách hiệu quả liên quan đến khả năng xử lý não bộ và có kiến thức về những việc cần làm khi họ không hiểu được một văn bản (Rivers, 1966; Richards, 1983; Rost, 2001) [15],[14],[16]. Một người có kỹ năng nghe tốt có thể tập trung vào chủ đề mà anh ta đang nghe, thiết kế nội dung để nghe, sử dụng kỹ năng nghe quy nạp (bottom-up processing (như tín hiệu văn bản) và kỹ năng nghe diễn dịch (top-down processing) (như kiến thức và kinh nghiệm trước đó). Nhưng những người nghe không tốt chủ yếu sử dụng nghe quy nạp, nghe từng từ một và sử dụng các chiến lược khác một cách tình cờ.

2.1.3 Lý thuyết Lược đồ (Schema Theory)

Bartlett (1932) [4] là người đầu tiên đề cập đến thuyết Lược đồ, được định nghĩa là “Vai trò của kiến thức nền trong việc hiểu ngôn ngữ” (trang 93). Và phải mãi cho đến những năm 1970, lý thuyết lược đồ mới bắt đầu được sử dụng trong quá trình tâm lý của hiểu ngôn ngữ. Từ đây lý thuyết lược đồ (độc lập) bắt đầu hình thành. Anderson (1977), một nhà tâm lý học giáo dục, đã giúp xây dựng thuyết lược đồ theo hướng chi tiết. Cụ thể, ông đề xuất rằng kiến thức có tổ chức, đại diện cho những hiểu biết về thế giới, là một mạng lưới phức tạp của các cấu trúc tinh thần trừu tượng. Nguyên tắc chính lý thuyết của ông bao gồm:

(1) Dạy kiến thức chung và các khái niệm rộng.

(2) Xây dựng dựa trên kiến thức (lược đồ) và tạo mối liên hệ giữa các ý tưởng.

(3) Kiến thức trước là cần thiết cho kiến thức mới.

(4) Lược đồ sẽ thay đổi khi có thông tin mới.

(5) Lược đồ được tổ chức một cách có ý nghĩa.

2.1.4 Kỹ năng nghe và mối tương quan với lý thuyết Lược Đồ

Liên quan đến kỹ năng nghe hiểu, Rost (2001) [16] lập luận rằng “lắng nghe liên quan đến quá trình xử lý từ dưới lên, trong đó người nghe quan tâm đến dữ liệu trong tín hiệu giọng nói và xử lý từ trên xuống, trong đó người nghe sử dụng kiến thức và kỳ vọng trước đó để tạo ra ý nghĩa.” (trang 7). Tương tự như vậy, Zeng (2007) [18] cho rằng khả năng Nghe hiểu diễn ra là do tương tác giữa các quy trình “từ Trên xuống” (Top-down) và “từ Dưới lên” (Bottom-up), trong đó kiến thức ngôn ngữ, kiến thức về thế giới và các tài liệu nghe tương tác với nhau. Đây là điểm tương đồng cũng được đề cập trong thuyết Lược đồ.

2.1.5 Nhận thức của người học về vai trò của Chủ thích đa phương tiện đối với kỹ năng Nghe hiểu

Theo quan điểm của Efron (1969) [9], nhận thức là liên hệ nhận thức với thế giới xung quanh một người. Tương tự như vậy, Barlow (1990) [3] định nghĩa nhận thức là quá trình chuẩn bị biểu diễn cảnh giác quan hiện tại ở dạng cho phép các cơ chế học tập tiếp theo trở nên linh hoạt và đáng tin cậy. Nói cách khác, nhận thức có nghĩa là một người xử lý, giải thích và phản ứng với thông tin mà họ nhận được thông qua hệ thống giác quan, tức là nhìn, nghe, ngửi, sờ và nếm. Trong nghiên cứu này, nhận thức được hiểu là khả năng xử lý, giải thích và phản ứng với thông tin thông qua trải nghiệm tri giác.

Liên quan đến lý thuyết học tập đa phương tiện, theo Mayer và ctv. (1999) [13], lý thuyết này là cách thông tin đa phương tiện có được bằng cả hình ảnh và các kênh thính giác được tích hợp với kiến thức sẵn có của người học, từ đó hình thành nên trí nhớ dài hạn và đạt được quá trình học tập có ý nghĩa. Mayer (2001) [12] cũng cho rằng, quá trình học tập có ý nghĩa

thông qua các chú thích đa phương tiện bao gồm năm tiến trình nhận thức: chọn từ ngữ, chọn hình ảnh, sắp xếp từ ngữ, tổ chức hình ảnh và tích hợp. Cũng chính ông là người đã đề xuất mô hình giảng dạy đa phương tiện trong đó sự kết hợp của thông tin phi ngôn ngữ (tranh ảnh, đồ thị, bảng,...) với các bài nghe được đánh giá rất cao.

2.2 Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu hiện tại được thực hiện nhằm tìm ra (1) vai trò của chú thích đa phương tiện trong việc phát triển kỹ năng nghe của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh; (2) trong số các loại hình chú giải này thì loại hình nào được sinh viên ủng hộ hơn. Từ đây, các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra là:

(i) Sinh viên nghĩ gì về vai trò của chú thích đa phương tiện đối với việc học kỹ năng nghe hiểu?

Bảng 1. Thông tin đối tượng nghiên cứu

Lớp (Năm thứ tư)	Số lượng	Ngành	Độ tuổi
DH19NNA01	34	English studies	20 – 23
DH19NNA02	42		
DH19NNA03	41		
Tổng số	117		

2.4 Phương pháp

Nghiên cứu hiện tại được tiến hành dựa trên phương pháp kết hợp (định lượng và định tính). Cụ thể, về phương pháp định lượng, các nhà nghiên cứu thu thập ý kiến của người học dựa vào bảng câu hỏi. Về phương pháp định tính, những người tham gia nghiên cứu được mời tham gia phỏng vấn để lấy ý kiến chi tiết. Theo Creswell (1994) [6], phương pháp định lượng cho phép thu thập dữ liệu bằng số nhằm giải thích một hiện tượng nào đó. Mặt khác, phương pháp định tính có thể được dùng để hỗ trợ, giúp tìm hiểu sâu về nguyên nhân hay quan điểm của người được khảo sát về chủ đề đang được quan tâm (Creswell, 2003) [7]. Có thể nói hai phương pháp vừa đề cập bổ trợ cho nhau trong việc giúp các nhà nghiên cứu vừa có cái

(ii) Trong các cách chú thích được khảo sát, 2 cách nào được cho là có vai trò nổi bật nhất trong hỗ trợ kỹ năng nghe hiểu?

2.3 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.3.1 Đối tượng

Có 117 sinh viên năm cuối đến từ 3 lớp chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Nam Cần Thơ được mời tham gia làm bảng khảo sát. Sau đó 10 sinh viên trong số này sẽ được chọn lựa ngẫu nhiên (từ cả 03 lớp) để tham gia buổi phỏng vấn, trong đó 04 bạn từ lớp NNA01, 03 bạn từ lớp NNA02 và 03 bạn từ lớp NNA03 (Bảng 1). Lý do lựa chọn các sinh viên năm cuối là vì các bạn đã hoàn thành xong tất cả các học phần nghe nói trong chương trình, và do đó các bạn được cho là đã có cái nhìn cụ thể về các kiểu câu hỏi có thể xuất hiện trong các bài nghe hiểu. Thông tin về những người tham gia được tóm tắt trong biểu bảng sau đây:

nhìn toàn diện và cả chuyên sâu về một vấn đề đang được quan tâm.

2.4.1 Bảng câu hỏi

Bảng câu hỏi khảo sát trong nghiên cứu này được thiết kế nhằm vào các mục đích trên. Các nghiên cứu viên dựa trên khung lý thuyết về Schema (Thuyết lược đồ) kết hợp với các dạng chú thích đa phương tiện, cụ thể là từ vựng, âm thanh, hình ảnh và video không có phụ đề (về sau gọi tắt là video) để thiết kế các câu hỏi cụ thể theo thang đo Likert 5 mức độ (24 câu hỏi). Những người được mời thực hiện khảo sát sẽ đọc qua lần lượt các câu hỏi và đưa ra quan điểm của mình bằng cách chọn vào 1 trong 5 mức độ cụ thể: 5 (hoàn toàn đồng ý), 4 (đồng ý), 3 (không có ý kiến), 2 (không đồng ý) và 1 (hoàn toàn không đồng ý). Các câu hỏi tập

trung vào tìm hiểu vai trò của các dạng chú thích đối với 5 loại câu hỏi của kỹ năng Nghe nhằm tìm ra: (1) ý chính; (2) ý chi tiết; (3) mục đích của bài; (4) khả năng theo dõi mạch phát triển ý của người nói; (5) quan điểm của người nói.

2.4.2 Phỏng vấn

Mục đích tổng thể của việc sử dụng phỏng vấn theo cấu trúc để thu thập dữ liệu (Creswell, 2003) [7] là thu thập thông tin từ những người cung cấp thông tin chính có kinh nghiệm, thái độ, nhận thức và niềm tin cá nhân liên quan đến chủ đề quan tâm. Dựa trên bảng câu hỏi, các nghiên cứu viên tiếp tục thiết kế thêm một câu hỏi mở (phỏng vấn theo cấu trúc) nhằm thu thập được ý kiến chi tiết hơn về chủ đề đang được khảo sát, cụ thể: “Theo bạn, trong các cách chú thích (từ vựng, âm thanh, hình ảnh, và video), có cách nào có thể hỗ trợ tốt nhất đối với kỹ năng Nghe hiểu? Vui lòng giải thích chi tiết”.

2.4.3 Thu thập và phân tích dữ liệu

Sau khi bảng câu hỏi đã được tạo, đại diện một nghiên cứu viên gửi đi cho 30 bạn sinh viên để kiểm tra độ tin cậy của nó. Ý kiến thu thập ở bước này được thực hiện trong 1 tuần và phần mềm SPSS được sử dụng để tính độ tin cậy. Kết quả cho thấy bản câu hỏi đảm bảo được điều này (Cronbach alpha = 0,938). Trong 2 tuần tiếp sau đó, các nhà nghiên cứu gửi bảng câu hỏi đi cho tất cả các sinh viên được chọn khảo sát. Sau khi

dữ liệu được thu thập, phần mềm SPSS tiếp tục được sử dụng để chạy kết quả.

Ở giai đoạn phỏng vấn, các nghiên cứu viên mời từng sinh viên (10 bạn) ký bản cam kết chấp nhận tham gia sau khi các bạn đã được giải thích rõ nội dung và mục đích của nghiên cứu. 10 bạn sau đó sẽ lần lượt thực hiện phỏng vấn, trả lời chi tiết 01 câu hỏi mở như đã nêu ở trên. Quá trình phỏng vấn được ghi âm lại. Mỗi buổi phỏng vấn kéo dài tầm 25-30 phút. Tất cả dữ liệu phỏng vấn được ghi âm và chép lại. Sau đó, các nhà nghiên cứu đọc kỹ chúng nhiều lần trước khi tiến hành “phân tích theo chủ đề”. Theo Braun và Clarke (2006) [5], “phân tích theo chủ đề” đề cập đến quy trình mã hóa và tìm ra các kiểu mẫu hoặc chủ đề chung, từ đó cho phép (các) nhà nghiên cứu có được những hiểu biết có giá trị từ dữ liệu thô.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Kết quả

3.1.1 Quan điểm của sinh viên về vai trò của chủ thích đa phương tiện đối với kỹ năng Nghe hiểu

Trước hết, kết quả từ nghiên cứu hiện tại cho thấy rằng các bạn sinh viên đánh giá cao vai trò của các Chủ thích đa phương tiện (CTĐPT) đối với việc hỗ trợ phát triển kỹ năng Nghe của họ. Cụ thể trong biểu bảng số 2 dưới đây, điểm đo trung bình của bảng câu hỏi là 3,96 (Bảng 2).

Bảng 2. Điểm đo trung bình về quan điểm sinh viên đối với CTĐPT trong phát triển kỹ năng Nghe hiểu

Điểm	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Quan điểm của sinh viên	3,96	0,55	3,26	4,45

3.1.2 Tác động của 4 nhóm CTĐPT đối với kỹ năng Nghe hiểu

Bảng 3. Tác động của các nhóm CTĐPT

Nhóm chú thích	Tỷ lệ (%)
Từ vựng	83,8
Âm thanh	74,8
Hình ảnh	81,4
Video	76,7

Từ Bảng 3, mặc dù cả 4 nhóm CTĐPT đều có tác động tích cực, có thể thấy được rằng nhóm chú thích từ vựng nhận được nhiều sự ủng hộ nhất từ các bạn sinh viên đối với việc phát triển kỹ năng Nghe hiểu (83,8%). Ngược lại dữ liệu âm thanh (Audio) nhận được sự ủng hộ thấp nhất (74,8%).

3.1.3 Lý do lựa chọn các nhóm CTĐPT

Bảng 4. Khác biệt lựa chọn giữa các nhóm CTĐPT

Nhóm chú thích	Sinh viên (n=10)
Từ vựng	08
Hình ảnh	07
Video	05
Âm thanh	00

Từ Bảng 4, có thể thấy được “Từ vựng” và “Hình ảnh” là 02 nhóm chú thích được sinh viên ưu tiên lựa chọn nhiều nhất, lần lượt là 08 và 07 lượt.

3.2 Thảo luận

3.2.1 Quan điểm của sinh viên về vai trò của chú thích đa phương tiện đối với việc học kỹ năng Nghe hiểu

Về mặt nhận thức của sinh viên liên quan đến tính hữu ích của CTĐPT trong việc cải thiện kỹ năng nghe, kết quả thống kê cho thấy nhận thức của người tham gia cao hơn mức trung bình (3,96). Có thể kết luận rằng sinh viên nhận thấy CTĐPT rất hữu ích giúp họ cải thiện kỹ năng nghe. Tuy nhiên mức độ nhận thức về tính hữu ích của mỗi loại chú thích là khác nhau. Trong bốn loại chú thích được khảo sát sinh viên nhận thấy chú thích từ vựng và chú thích hình ảnh là hai loại đóng góp nhiều nhất trong hỗ trợ kỹ năng nghe, theo sau là chú thích video và âm thanh.

Nghiên cứu hiện tại cũng tương tự kết quả nghiên cứu của Aldera (2015) [1] khi chỉ ra nhận thức tích cực của sinh viên trong việc sử dụng chú thích hình ảnh và video để hỗ trợ khả năng nghe. Nghiên cứu này đã chỉ ra hiệu quả của việc sử dụng kỹ thuật đa phương tiện trực quan, tức là chế độ video, trong bối cảnh ngôn

Để có cái nhìn chi tiết hơn về lý do cho việc ưu tiên chọn lựa một nhóm chú thích nhất định so với các nhóm còn lại, câu hỏi phỏng vấn với 10 sinh viên được lựa chọn ngẫu nhiên từ 117 sinh viên tham gia khảo sát yêu cầu các bạn chọn ra 02 trong 04 nhóm chú thích mà các bạn nghĩ rằng hỗ trợ nhiều nhất trong việc phát triển kỹ năng Nghe hiểu (Bảng 4).

ngữ đa phương tiện để hỗ trợ nghe hiểu ngôn ngữ thứ hai. Sáu mươi sinh viên đã xem các cuộc hội thoại video được cung cấp văn bản cộng với hoạt ảnh cho 10 mô-đun, trong khi nhóm đối chứng nghe cùng một tài liệu được cung cấp bởi các bản âm thanh trong cùng một khoảng thời gian. Kết quả cho thấy rằng sinh viên thích các CTĐPT được sử dụng trong kỹ năng nghe hiểu của họ và muốn có các gợi ý trực quan cung cấp thêm thông tin. Sinh viên cũng có động lực lớn để hiểu các bài nghe.

3.2.2 Các cách chú thích có vai trò nổi bật trong hỗ trợ kỹ năng Nghe hiểu

Qua kết quả nghiên cứu, các nghiên cứu viên nhận thấy nhóm chú thích từ vựng và hình ảnh được cho là có đóng góp nhiều nhất trong hỗ trợ kỹ năng Nghe (trung bình là 4,190 và 4,071, theo thứ tự). Theo sau là nhóm chú thích video và audio (trung bình là 3,833 và 3,738, theo thứ tự) cũng có tác động tích cực đáng kể. Nghiên cứu của Jones (2003) [11] cũng chỉ ra kết quả tương tự về tính hiệu quả của chú thích âm thanh và hình ảnh. Nghiên cứu này nêu bật quan điểm của sinh viên về hiệu quả của các CTĐPT (trực quan và bằng lời nói) trong việc hỗ trợ họ hiểu và thu nhận từ vựng từ các văn bản bằng âm thanh. Những người tham gia được

chỉ định ngẫu nhiên vào một trong bốn phương pháp nghe: văn bản bằng âm thanh (a) không có chú thích, (b) chỉ có chú thích bằng lời nói, (c) chỉ có chú thích bằng hình ảnh và (d) với cả chú thích bằng lời nói và hình ảnh. Kết quả cho thấy, những người tham gia nên có các tùy chọn để xem tài liệu ở cả chế độ hình ảnh và chế độ lời nói trong môi trường nghe hiểu đa phương tiện. Nghiên cứu này cung cấp bằng chứng định tính cho một lý thuyết chung về học tập đa phương tiện cho thấy rằng sự sẵn có và sự lựa chọn của các chú thích bằng lời nói và hình ảnh trong các hoạt động nghe hiểu giúp nâng cao khả năng của sinh viên trong việc hiểu các tài liệu được trình bày và học từ vựng.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Nghiên cứu về ảnh hưởng của thuyết đa phương tiện thường chia thành một số loại cụ thể như hiệu quả của chú thích âm thanh và từ vựng lên khả năng nghe hiểu. Có lẽ đã đến lúc kết hợp nhiều loại đa chú thích và thực hiện

nhiều nghiên cứu thử nghiệm hơn để tìm cách giải thích ảnh hưởng của nhiều loại chú thích đối với khả năng nghe. Nghiên cứu như vậy chắc chắn sẽ làm sáng tỏ tác dụng của các loại chú thích và đề xuất lý thuyết cơ sở vững chắc cho cả người thực hành và nhà nghiên cứu. Vì hiệu quả chi tiết của từng nhóm chú thích chưa được tiến hành phân tích, nghiên cứu sâu hơn nên được thực hiện. Đối với những người muốn thực hiện nghiên cứu như vậy hoặc nhân rộng nghiên cứu này, nhóm tác giả đặc biệt đề nghị có một nghiên cứu thử nghiệm. Kết quả có tiềm năng làm lung lay một số niềm tin cố định vào việc nghe có chèn các loại chú thích, vì vậy việc thiết kế bài nghiên cứu thuộc loại thử nghiệm nên được xem xét kỹ. Bên cạnh đó, số lượng sinh viên tham gia còn hạn chế, chỉ 117 sinh viên ở một trường tư thục nên nghiên cứu khác cần được thực hiện trên số lượng người tham gia lớn hơn sẽ cho kết quả ở mức độ tổng quát sẽ cao hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Aldera, A. S. (2015). Investigating Multimedia Strategies to Aid L2 Listening Comprehension in EFL Environment. *Theory & Practice in Language Studies*, 5(10).
- [2] Alabsi, T. (2020). Effects of adding subtitles to video via apps on developing EFL students' listening comprehension. *Theory and Practice in Language Studies*, 10(10), 1191-1199.
- [3] Barlow, H. (1990). Conditions for versatile learning, Helmholtz's unconscious inference, and the task of perception. *Vision Research*, 30 (11), 1561-1571.
- [4] Bartlett, F. C. (1932). Remembering. *Cambridge: Cambridge University Press*
- [5] Braun, V., & Clarke, V. (2006). Using thematic analysis in psychology. *Qualitative Research in Psychology*, 3(2), 77-101, DOI: 10.1191/1478088706qp063oa
- [6] Creswell, J. W. (1994). Research design: Qualitative & quantitative approaches. *Sage Publications, Inc.*
- [7] Creswell, J. W. (2003). Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches (2nd ed.). *Thousand Oaks, CA: Sage.*
- [8] Dizon, G., & Thanyawatpokin, B. (2021). Language learning with Netflix: Exploring the effects of dual subtitles on vocabulary learning and listening comprehension. *Computer Assisted Language Learning*, 22(3), 52-65.
- [9] Efron, R. (1969). What is Perception? In: Cohen R.S., Wartofsky M.W. (Eds.) *Proceedings of the Boston Colloquium for the Philosophy of Science 1966/1968*. Boston Studies in the Philosophy of Science, 4, 137-173. Dordrecht: Springer.

- [10] Hsieh, Y. (2020). Effects of video captioning on EFL vocabulary learning and listening comprehension. *Computer Assisted Language Learning*, 33(5-6), 567-589.
- [11] Jones, L. C. (2003). Supporting listening comprehension and vocabulary acquisition with multimedia annotations: The students' voice. *CALICO Journal*, 21(1): 41-65.
- [12] Mayer, R. E. (2001). *Cognitive Theory of Multimedia Learning*. In: Mayer, R.E., Ed. Cambridge Handbook of Multimedia Learning, Cambridge University Press, New York, 31-48.
- [13] Mayer, R. E., Moreno, R., Boire, M., & Vagge, S. (1999). Maximizing constructivist learning from multimedia communications by minimizing cognitive load. *Journal of Educational Psychology*, 91(4), 638-643.
- [14] Richards, J. C. (1983). Listening comprehension: Approach, design, procedure. *TESOL quarterly*, 17(2), 219-240.
- [15] Rivers, W.M (1966). Listening Comprehension. *The Modern Language Journal*, 50(4).
- [16] Rost, M. (2001). Teaching and researching: Listening (ed.). Harlow: Pearson Education.
- [17] White, C. J. (1993). *Metacognitive, cognitive, social and affective strategy use in foreign language learning: a comparative study: a thesis presented in fulfillment of the requirements for the degree of Ph. D. in Applied Linguistics at Massey University* (Doctoral dissertation). Massey University.
- [18] Zeng, Y. (2007). *An investigation of the effects of listening programs on lower secondary students' listening comprehension in PRC* (Unpublished MA dissertation). SEAMEO Regional Language Centre, Singapore.